

Số: 1204/QĐ-UBND-NĐ

Tam Nông, ngày 19 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao đất cho ông Nguyễn Văn Tấn,
đất tọa lạc tại xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ khoản 6 Điều 116 của Luật Đất đai ngày 18/01/2024 và khoản 2 Điều 49 của Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-UBND-NĐ ngày 31/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Tam Nông;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 858/TTr-TNMT ngày 18/11/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao cho ông Nguyễn Văn Tấn, sinh năm 1970, CCCD số: 087070013393, địa chỉ thường trú xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp diện tích 78,00m² thuộc thửa đất số 48, tờ bản đồ số 57, đất tọa lạc tại xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn.

Thời hạn sử dụng đất: Ổn định lâu dài.

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo tờ trích lục bản đồ địa chính số 5758/2023/TL.BĐ do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Tam Nông lập ngày 12/6/2023.

Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

Phương thức giao đất theo kết quả: Giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất theo quy định tại điểm 1 khoản 3 Điều 124 Luật Đất đai năm 2024.

Giá đất tính tiền sử dụng đất phải nộp: Giá đất trong Bảng giá đất theo khoản 1 Điều 5 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.

Những hạn chế về quyền của người sử dụng đất (nếu có): Không.

Điều 2. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Văn hóa và Thông tin, Chi cục Thuế Khu vực 6, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện, Ủy ban nhân dân xã Phú Cường và ông Nguyễn Văn Tấn có trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

1. Chi cục Thuế Khu vực 6 xác định tiền sử dụng đất phải nộp; thông báo cho người sử dụng đất nộp tiền sử dụng đất, phí và lệ phí theo quy định.

2. Ông Nguyễn Văn Tấn chịu trách nhiệm nộp tiền sử dụng đất, phí và lệ phí theo quy định.

3. Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện, Ủy ban nhân dân xã Phú Cường thực hiện các nội dung sau:

- Xác định giá đất để tính tiền sử dụng đất phải nộp theo quy định.
- Xác định mốc giới và bàn giao đất trên thực địa cho ông Nguyễn Văn Tấn.
- Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện cấp và trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính.
- Cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất theo quy định.

4. Phòng Văn hóa và Thông tin có trách nhiệm đăng tải công khai Quyết định này lên Trang Thông tin điện tử huyện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện; Thủ trưởng các đơn vị: Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài chính – Kế hoạch, Phòng Văn hóa và Thông tin, Chi cục Thuế Khu vực 6, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phú Cường và ông Nguyễn Văn Tấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lãnh đạo, CVNC Văn phòng;
- Lưu: VT, NC/KTN_{Khánh}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Thanh Thành

Mẫu số 02a. Đơn xin giao đất

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tam Nông, ngày 21 tháng 10 năm 2024

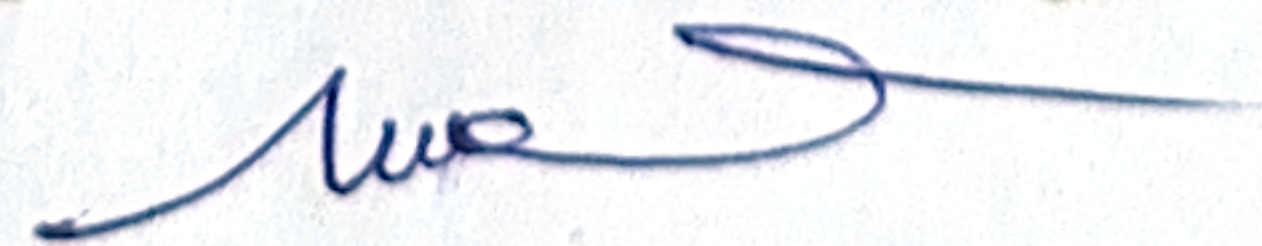
ĐƠN XIN GIAO ĐẤT

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông

1. Người xin giao đất¹: Ông NGUYỄN VĂN TẤN, sinh năm: 1970, CCCD số: 087070013393, cấp ngày 09/08/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH.
2. Địa chỉ/trụ sở chính: Ấp Tân Cường, xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.
3. Địa chỉ liên hệ (điện thoại, fax, email...): Ấp Tân Cường, xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.
4. Địa điểm thửa đất/khu đất (tại xã..., huyện..., tỉnh...): Xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.
5. Diện tích đất (m²): 78m² ✓
6. Để sử dụng vào mục đích²: ONT.
7. Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.
8. Cam kết sử dụng đất đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật đất đai, nộp tiền sử dụng đất (nếu có) đầy đủ, đúng hạn;
Các cam kết khác (nếu có):
9. Tài liệu gửi kèm (nếu có)³

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)



Nguyễn Văn Tấn

¹ Đối với cá nhân, người đại diện thì ghi rõ họ tên và thông tin về số, ngày/tháng/năm, cơ quan cấp Căn cước công dân hoặc số định danh hoặc Hộ chiếu...; đối với tổ chức thì ghi rõ thông tin như trong Quyết định thành lập cơ quan, tổ chức sự nghiệp/văn bản công nhận tổ chức tôn giáo/đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư đối với doanh nghiệp/tổ chức kinh tế...

² Trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư/quyết định, chấp thuận chủ trương đầu tư/quyết định dự án... thì ghi rõ mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư theo giấy tờ đã cấp. Trường hợp xin giao đất xây dựng công trình ngầm thì ghi rõ diện tích đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm quy định tại Điều 216 Luật Đất đai.

³ Thực hiện trong trường hợp hồ sơ giao đất do người xin giao đất lập phải có theo quy định.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRÍCH LỤC BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH

Số : 5758...../2023../TL.BĐ

1: Số thứ tự thửa đất : 48

Tờ bản đồ số : 57

xã (thị trấn): Phú Cường,

huyện: Tam Nông,

tỉnh Đồng Tháp.

2. Diện tích: 78,0 m²

3. Mục đích sử dụng đất : ONT

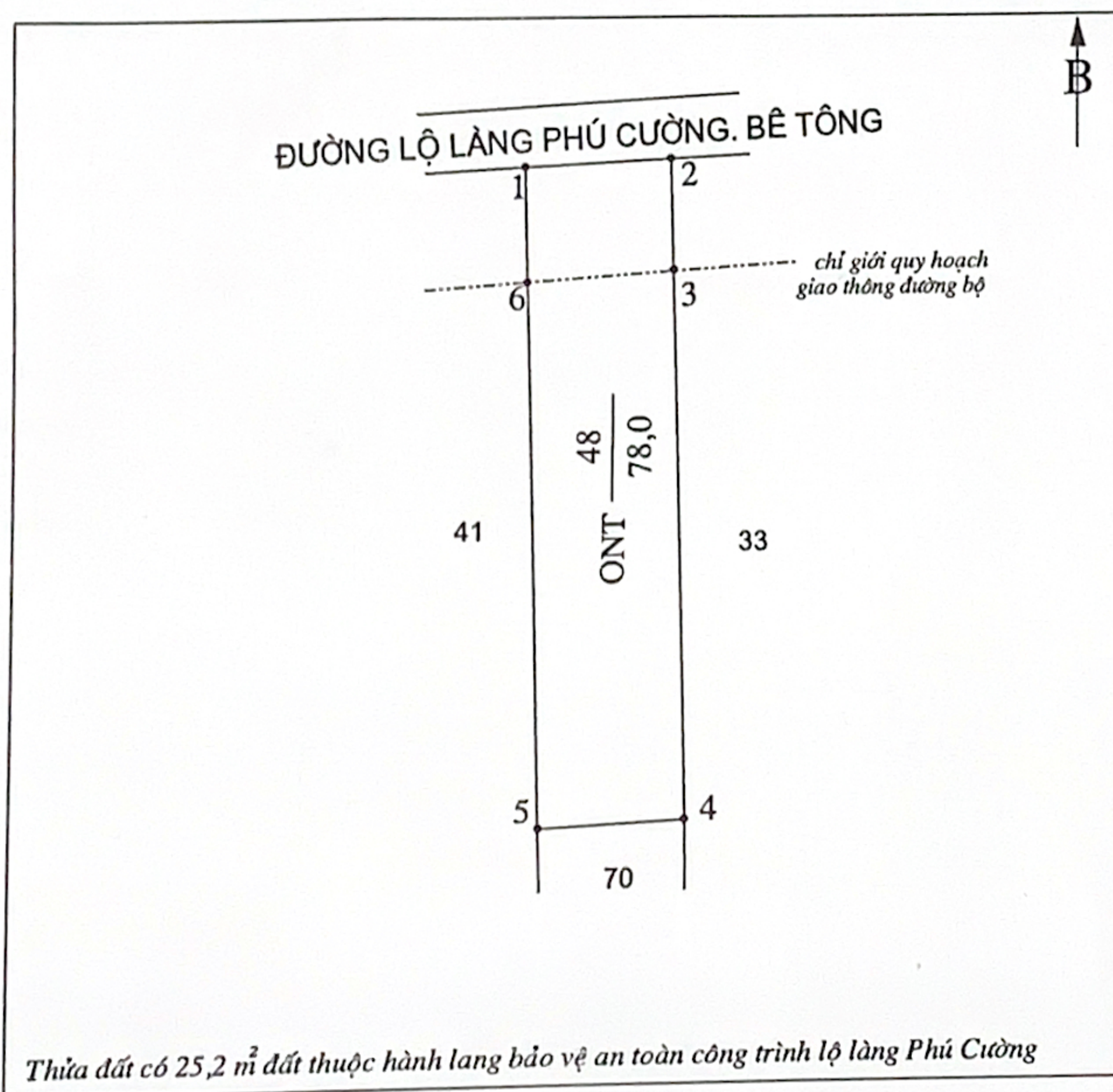
4. Tên người sử dụng đất : UBND xã Phú Cường quản lý

Địa chỉ thường trú: xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp

5. Các thay đổi của thửa đất so với giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất không thay đổi.

6. Bản vẽ thửa đất

6. 1. Sơ đồ thửa đất



6. 2. Chiều dài cạnh thửa

Cạnh	Chiều dài (m)
1 - 2	4,20
2 - 3	6,00
3 - 4	12,57
4 - 5	4,20
5 - 6	12,57
6 - 1	6,00

Tam Nông, ngày ..12 tháng 06.. năm 2023

Người trích lục
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Đỗ Duy Tân

Giám đốc

Chi nhánh Văn phòng ĐKĐĐ huyện Tam Nông
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)



Võ Văn Minh

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (bổ sung lần 1) đối với hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án Hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ đời sống của người dân tại thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Hạng mục: Tuyến đê bao Khu II (Đê bao Đ.II-2' (bổ sung))

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ các Nghị định ngày 15/5/2014 của Chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 47/2014/NĐ-CP ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: Số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 quy định về chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 33/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Số 27/2014/QĐ-UBND ngày 27/11/2014 ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; số 13/2017/QĐ-UBND ngày 11/4/2017 ban hành Quy trình thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; số 36/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 về việc ban hành Quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp 05 năm (2020-2024); số 13/2021/QĐ-UBND ngày 23/7/2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 ban hành quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp 05 năm (2020-2024); số 33/2021/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 về việc ban hành Quy định về giá bồi thường cây trồng, vật nuôi là thủy sản khu Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; số

31/QĐ-UBND-NĐ ngày 15/02/2022 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Tam Nông; số 09/2022/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 về việc ban hành Quy định về đơn giá nhà và vật kiến trúc xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; số 1178/QĐ-UBND.HC ngày 28/10/2022 phê duyệt điều chỉnh dự án Hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ đời sống của người dân tại thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp; số 289/QĐ-UBND-NĐ ngày 21/11/2022 về việc phê duyệt đơn giá đất cụ thể làm cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ đời sống của người dân tại thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Hạng mục: Tuyến đê bao Khu II (Đê bao Đ.II-2' (bổ sung)), huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 1567/QĐ-UBND-NĐ ngày 27/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (bổ sung lần 1) dự án Hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ đời sống của người dân tại thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Hạng mục: Tuyến đê bao Khu II (Đê bao Đ.II-2' (bổ sung));

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 824/TTr-TNMT ngày 29/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (bổ sung lần 1) đối với hộ gia đình, cá nhân ông Nguyễn Văn Tấn, ngụ tại xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp để thực hiện dự án Hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ đời sống của người dân tại thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Hạng mục: Tuyến đê bao Khu II (Đê bao Đ.II-2' (bổ sung)), với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là **909.313.996 đồng** (Chín trăm lẻ chín triệu, ba trăm mười ba nghìn, chín trăm chín mươi sáu đồng), chi tiết theo phụ lục đính kèm.

- Hộ gia đình, cá nhân ông Nguyễn Văn Tấn được nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư sau khi có thư mời của Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Tam Nông về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

- Hộ gia đình, cá nhân ông Nguyễn Văn Tấn có trách nhiệm bàn giao đất cho Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Tam Nông trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày thanh toán xong tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Điều 2. Hộ gia đình, cá nhân ông Nguyễn Văn Tấn được quyền khiếu nại Quyết định này đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Giao Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện và Ủy ban nhân dân xã Phú Cường triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Thủ trưởng các đơn vị: Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Kho bạc Nhà nước, Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phú Cường và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *7/5*

Nơi nhận:

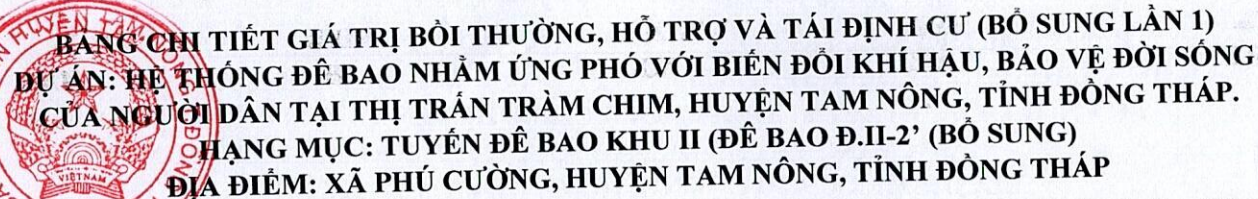
- Như Điều 4;
- CT, PCT UBND huyện;
- LĐVP;
- Lưu: VT, NC/KTN_{P.Chao}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Chau Van Bo

Châu Văn Bo

[illegible]

BẢNG CHI TIẾT GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ (BỔ SUNG LẦN 1)
DỰ ÁN: HỆ THỐNG ĐÊ BAO NHẦM ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU, BẢO VỆ ĐỜI SỐNG
CỦA NGƯỜI DÂN TẠI THỊ TRẤN TRÀM CHIM, HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP.

HẠNG MỤC: TUYẾN ĐÊ BAO KHU II (ĐÊ BAO Đ.II-2' (BỔ SUNG))
ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚ CƯỜNG, HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-UBND-NĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

STT	Họ và tên	Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Mức bồi thường, hỗ trợ					Số tiền bồi thường, hỗ trợ				
			ĐVT	Diện tích đất thu hồi	Diện tích, số lượng tài sản	Số lượng hỗ trợ	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Đất (đồng)	Tài sản (đồng)	Hỗ trợ (đồng)	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ
		- Mái tôn kẽm sóng vuông đòn tay gỗ nhóm III	m2		33,15		376.000	100%	-	12.464.400	-	12.464.400
		- Khung gỗ tạp tròn	m2		33,15		56.000	100%	-	1.856.400	-	1.856.400
		- Sân bê tông không cốt thép đá 1x2	m3		4,86		1.901.000	100%	-	9.238.860	-	9.238.860
		- Vách tôn kẽm sóng tròn, đồ gỗ tạp	m2		14,46		85.000	100%	-	1.229.100	-	1.229.100
		- Tường xây gạch ống 200 trát 2 mặt	m2		21,28		321.000	100%	-	6.830.880	-	6.830.880
		- Đai bê tông cốt thép đá 1x2	m3		0,18		2.307.000	100%	-	406.955	-	406.955
		5. Đường đi:							-		-	0
		- Tường xây gạch ống 100 trát 1 mặt	m2		2,43		142.000	100%	-	345.060	-	345.060
		6. Kệ bếp:							-		-	0
		- Tường xây gạch ống 100 trát 2 mặt	m2		19,50		180.000	100%	-	3.510.000	-	3.510.000
		- Nền lát gạch Ceramic (đã bao gồm BT lót đá 4x6 dày 10cm và đệm cát dày 30cm)	m2		10,44		369.000	100%	-	3.852.360	-	3.852.360
		- Đai bê tông cốt thép đá 1x2	m3		0,09		2.307.000	100%	-	206.707	-	206.707
		- Tường xây gạch ống 100 trát 2 mặt	m2		0,98		180.000	100%	-	176.400	-	176.400
		- Tường ốp gạch Ceramic (Bao gồm gạch Ceramic và hồ dầu)	m2		1,56		240.000	100%	-	374.400	-	374.400
		7. Nhà vệ sinh:							-		-	0
		- Móng, cột, dầm bê tông cốt thép, nền lát gạch Ceramic; Chiều cao nền =< 50 cm; tường xây gạch sơn nước, tường trong ốp gạch, trần tấm nhựa, cửa nhựa, có hầm tự hoại. Mái tôn (tôn giả nhói), đòn tay gỗ nhóm III.	m2		2,85		6.241.000	100%	-	17.786.850	-	17.786.850
		* Nhà có các đặc điểm sau thì được cộng thêm hoặc trừ bớt đi giá trị vào đơn giá trên	-				-	100%	-	-	-	-
		- Không có trần (trừ đi)	m2				102.000	100%	-	-	-	-
		- Cửa nhôm (cộng thêm)	m2				454.000	100%	-	-	-	-
		8. Giường ngủ:										0
		- Tường xây gạch ống 200 trát 2 mặt	m2		5,70		321.000	100%		1.829.700	0	1.829.700
		- Đai bê tông cốt thép đá 1x2	m3		0,54		2.307.000	100%		1.237.706	0	1.237.706
		- Tường xây gạch ống 100 trát 2 mặt	m2		0,98		180.000	100%		176.400	0	176.400
		- Tường ốp gạch Ceramic (Bao gồm gạch Ceramic và hồ dầu)	m2		7,40		240.000	100%		1.774.800	0	1.774.800
		9. Tủ chén:							-		-	0
		- Tường xây gạch ống 100 trát 2 mặt	m2		6,60		180.000	100%	-	1.188.000	-	1.188.000
		- Tường ốp gạch Ceramic (Bao gồm gạch Ceramic và hồ dầu)	m2		8,66		240.000	100%	-	2.078.400	-	2.078.400
		- Đai bê tông cốt thép đá 1x2	m3		0,23		2.307.000	100%	-	523.228	-	523.228

BẢNG CHI TIẾT GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ (BỔ SUNG LẦN 1)
DỰ ÁN: HỆ THỐNG ĐÊ BAO NHẦM ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU, BẢO VỆ ĐỜI SỐNG
CỦA NGƯỜI DÂN TẠI THỊ TRẤN TRÀM CHIM, HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP.
HẠNG MỤC: TUYỂN ĐÊ BAO KHU II (ĐÊ BAO Đ. II-2' (BỔ SUNG))
ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚ CƯỜNG, HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-UBND-ND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

STT	Họ và tên	Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Mức bồi thường, hỗ trợ					Số tiền bồi thường, hỗ trợ				
			ĐVT	Diện tích đất thu hồi	Diện tích, số lượng tài sản	Số lượng hỗ trợ	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Đất (đồng)	Tài sản (đồng)	Hỗ trợ (đồng)	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ
		10. Nhà bếp:							-		-	
		- Mái tôn kẽm sóng vuông đòn tay gỗ tạp xẻ vuông	m2		10,15		275.000	100%	-	2.791.250	-	2.791.250
		- Khung gỗ tạp tròn	m2		10,15		56.000	100%	-	568.400	-	568.400
		- Sàn gỗ tạp xẻ vuông, trụ bê tông	m2		10,15		323.000	100%	-	3.278.450	-	3.278.450
		- Vách tôn kẽm sóng tròn, đồ gỗ tạp	m2		17,67		85.000	100%	-	1.501.950	-	1.501.950
		11. Sân nước:							-		-	
		- Mái tôn kẽm sóng vuông đòn tay gỗ tạp xẻ vuông	m2		4,00		275.000	100%	-	1.100.000	-	1.100.000
		- Đal bê tông cốt thép đá 1x2	m3		0,32		2.307.000	100%	-	738.240	-	738.240
		- Tường xây gạch ống 100 trát 2 mặt	m2		2,28		180.000	100%	-	410.400	-	410.400
		12. Chuồng gà:							-		-	
		- Mái tôn kẽm sóng vuông đòn tay gỗ tạp xẻ vuông	m2		6,96		275.000	100%	-	1.914.000	-	1.914.000
		- Khung gỗ tạp tròn	m2		6,96		56.000	100%	-	389.760	-	389.760
		- Nền đất dày 30 cm	m2		5,06		13.000	100%	-	65.780	-	65.780
		- Vách tôn kẽm sóng tròn, đồ gỗ tạp	m2		22,50		85.000	100%	-	1.912.500	-	1.912.500
		13. Hàng rào:							-		-	
		- Hàng rào lưới B40, trụ đá	m2		40,20		103.000	100%	-	4.140.600	-	4.140.600
		- Trụ bê tông cốt thép đá 1x2	m3		0,68		7.093.000	100%		4.787.775	0	4.787.775
		- Ống nhựa Hoa sen phi 220	m		32,00		309.496	100%		9.903.872	0	9.903.872
		III. Bồi thường về cây trồng:							-		-	
		- Dừa loại A	Cây		1,00		975.000	100%	-	975.000	-	975.000
		- Dừa loại B	Cây		1,00		740.000	100%	-	740.000	-	740.000
		- Dừa loại C	Cây		1,00		490.000	100%	-	490.000	-	490.000
		- Xoài loại A	Cây		9,00		2.200.000	100%	-	19.800.000	-	19.800.000
		- Mít loại A	Cây		3,00		1.000.000	100%	-	3.000.000	-	3.000.000
		- Mít loại B	Cây		1,00		600.000	100%	-	600.000	-	600.000
		- Mít loại C	Cây		2,00		200.000	100%	-	400.000	-	400.000
		- Chuối loại A	Cây		4,00		80.000	100%	-	320.000	-	320.000
		- Chuối loại B	Cây		2,00		40.000	100%	-	80.000	-	80.000
		- Chuối loại C	Cây		4,00		12.000	100%	-	48.000	-	48.000
		- Hạnh loại A	Cây		1,00		410.000	100%	-	410.000	-	410.000
		- Chanh loại A	Cây		1,00		410.000	100%	-	410.000	-	410.000
		- Mãng cầu xiêm loại A	Cây		2,00		730.000	100%	-	1.460.000	-	1.460.000
		- Đu đủ loại C	Cây		1,00		7.000	100%	-	7.000	-	7.000
		- Bạch đàn đường kính gốc từ 30cm đến dưới 40cm	Cây		3,00		60.000	100%	-	180.000	-	180.000
		- Bạch đàn đường kính gốc từ 10cm đến dưới 30cm	Cây		5,00		35.000	100%	-	175.000	-	175.000
		- Bạch đàn đường kính gốc từ 5cm đến dưới 10cm	Cây		5,00		17.000	100%	-	85.000	-	85.000

**BẢNG CHI TIẾT GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ (BỔ SUNG LẦN 1)
DỰ ÁN: HỆ THỐNG ĐỀ BAO NHẦM ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU, BẢO VỆ ĐỜI SỐNG
CỦA NGƯỜI DÂN TẠI THỊ TRẤN TRÀM CHIM, HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP.**

HẠNG MỤC: TUYẾN ĐỀ BAO KHU II (ĐỀ BAO Đ.II-2' (BỔ SUNG)

ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚ CƯỜNG, HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-UBND-ND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

STT	Họ và tên	Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Mức bồi thường, hỗ trợ					Số tiền bồi thường, hỗ trợ				
			ĐVT	Diện tích đất thu hồi	Diện tích, số lượng tài sản	Số lượng hỗ trợ	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ %	Đất (đồng)	Tài sản (đồng)	Hỗ trợ (đồng)	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ
		- Bạch đàn đường kính gốc từ 40cm đến dưới 50cm	Cây		5,00		115.000	100%	-	575.000	-	575.000
		- Tràm cây có đường kính gốc từ 20cm đến 30cm	Cây		2,00		100.000	100%	-	200.000	-	200.000
		- Xanh đường kính gốc lớn hơn 50cm	Cây		2,00		300.000	100%	-	600.000	-	600.000
		III. Chính sách hỗ trợ:							-		-	0
		- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp, tìm kiếm việc làm (đất trồng lúa KV2, VT2)	m2			1.018,90	40.000	300%	-	-	122.268.000	122.268.000
		- Hỗ trợ tiền thuê nhà ở nông thôn (6 tháng)	Hộ			1,00	6.000.000	100%	-	-	6.000.000	6.000.000
		IV. Chính sách tái định cư:										
		- Được Nhà nước giao đất ở (01 nền tái định cư) có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá	Hộ			1,00			-	-	-	-
		Tổng giá trị bồi thường							190.534.300	590.511.696	128.268.000	909.313.996

Số: 38/PA-BQLDA

Tam Nông, ngày 23 tháng 12 năm 2022

**PHƯƠNG ÁN
BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ
(BỔ SUNG LẦN 1)**

**PHẦN I
KHÁI QUÁT CHUNG**

I. TÊN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:

1. Tên công trình, dự án: Hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ đời sống của người dân tại thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Hạng mục: Tuyến đê bao Khu II (Đê bao Đ.II-2' (bổ sung)).

2. Địa điểm: Xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

II. NGUỒN VỐN VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN DỰ ÁN:

1. Nguồn vốn:

- Vốn bồi thường: Ngân sách nhà nước.
- Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông (ủy thác cho Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Tam Nông thực hiện nhiệm vụ của Chủ đầu tư).
- Đơn vị lập phương án: Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Tam Nông.

2. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2022 - 2023.

III. CĂN CỨ PHÁP LÝ:

Căn cứ Nghị Quyết số 31/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ đời sống của người dân tại thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 31/QĐ-UBND-NĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Tam Nông;

Căn cứ Quyết định số 1178/QĐ-UBND.HC ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp phê duyệt điều chỉnh dự án Hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ đời sống của người dân tại thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Công văn số 403/UBND-ĐTXD ngày 29 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc thực hiện uỷ thác quản lý dự án đầu tư xây dựng Hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ đời sống của người dân tại thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông;

Căn cứ Công văn số 1167/UBND-KT ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc uỷ quyền cho Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông thông báo và thu hồi đất;

Căn cứ các Thông báo của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông về việc thu hồi quyền sử dụng đất để thực hiện dự án Hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ đời sống của người dân tại thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Hạng mục: Tuyến đê bao Khu II (Đê bao Đ.II-2' (bổ sung));

Căn cứ Biên bản số 87/BB-HĐBTHT&TĐC ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án về việc họp Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ đời sống của người dân tại thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Biên bản số 95/BB-HĐBTHT&TĐC ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án về việc họp Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ đời sống của người dân tại thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

IV. PHẠM VI, ĐỊA ĐIỂM, VỊ TRÍ THU HỒI ĐẤT CỦA DỰ ÁN:

1. Phạm vi thu hồi đất:

a. Tổng diện tích đất theo quy hoạch: 33.505,90 m².

b. Tổng diện tích thu hồi đất (bổ sung lần 1): 2.705,20 m².

*** Trong quy hoạch:** 2.705,20 m², trong đó:

- Đất hộ gia đình, cá nhân: 2.705,20 m², cụ thể:

+ Đất trồng lúa: 2.691,40 m².

+ Đất nông nghiệp khác: 13,80 m².

*** Ngoài quy hoạch:** Không có.

2. Khối lượng giải phóng mặt bằng:

Tổng số hộ có tài sản thiệt hại 03 hộ, trong đó:

- Số hộ thiệt hại về đất, nhà ở và tài sản gắn liền với đất: 01 (hộ).

- Số hộ chỉ thiệt hại về đất: 02 (hộ).

3. Địa điểm: Xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

4. Tù cận:

- Phía Đông: giáp đất dân.
- Phía Tây: giáp đất công do UBND xã Phú Cường quản lý.
- Phía Nam: giáp đất dân và đất công do UBND xã Phú Cường quản lý.
- Phía Bắc: giáp đất công do UBND xã Phú Cường quản lý.

V. CĂN CỨ XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ:

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp ban hành kèm theo Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành Quy trình thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp 05 năm (2020-2024);

Căn cứ Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp 05 năm (2020-2024);

Căn cứ Quyết định số 33/2021/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành Quy định về giá bồi thường cây trồng, vật nuôi là thủy sản khu Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành Quy định về đơn giá nhà và vật kiến trúc xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 289/QĐ-UBND-NĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc phê duyệt đơn giá đất cụ thể làm cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ đời sống của người dân tại thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Hạng mục: Tuyến đê bao Khu II (Đê bao Đ.II-2' (bổ sung)), huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông về việc thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện Dự án Hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ đời sống của người dân thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ các Biên bản kiểm kê đất đai, tài sản bị thiệt hại khi thu hồi đất xây dựng Dự án của Ban Quản lý Dự án và Phát triển Quỹ đất huyện Tam Nông.

PHẦN II

MỨC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

I. MỨC BỒI THƯỜNG:

1. Bồi thường đất:

a. Khái quát nguồn gốc đất:

Tổng số hộ có đất bị thu hồi: **03 (hộ)**, với tổng số 04 thửa, trong đó gồm:

- Đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 04 thửa.
- Chưa cấp giấy chứng nhận: 00 thửa.

(Kèm theo bảng tổng hợp diện tích đất thu hồi và nguồn gốc sử dụng đất)

b. Đối tượng được bồi thường về đất:

- Đối tượng được bồi thường về đất: 03 (hộ).
- Đối tượng không được bồi thường, nhưng hỗ trợ: Không có.

c. Mục đích sử dụng đất tính bồi thường:

Trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được xác định theo mục đích sử dụng đất ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp.

Diện tích bồi thường được xác định theo số liệu đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tam Nông cung cấp.

d. Giá bồi thường đất:

Thực hiện theo Quyết định số 289/QĐ-UBND-NĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc phê duyệt đơn giá đất cụ thể làm cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ đời sống của người dân tại thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Hạng mục: Tuyến đê bao Khu II (Đê bao Đ.II-2' (bổ sung)), huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bồi thường nhà ở, công trình:

a. Đối tượng được bồi thường hoặc hỗ trợ:

- Đối tượng được bồi thường: 01 hộ.
- Đối tượng không được bồi thường, nhưng được hỗ trợ: Không có.
- Đối tượng không được bồi thường, không được hỗ trợ: Không có.

b. Mức bồi thường:

- Đối với hộ gia đình, cá nhân: Mức bồi thường bằng 100% giá trị tại thời điểm xây dựng mới.
- Đối với tổ chức: Tài sản hợp pháp, có giấy tờ chứng minh việc tạo lập tài sản không phải từ ngân sách nhà nước thì được xem xét, bồi thường.

c. Đơn giá tính bồi thường:

Căn cứ theo quy định tại Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành Quy định về đơn giá nhà và vật kiến trúc xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ Thông báo số 2708/TB-SXD ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Sở Xây dựng tỉnh Đồng Tháp về việc công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình; giá vật tư, thiết bị điện tại thời điểm tháng 10 năm 2022 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Đối với nhà ở, công trình không có đơn giá hoặc xây dựng dở dang thì được bồi thường theo khối lượng và đơn giá theo định mức xây dựng cơ bản hiện hành.

3. Bồi thường cây trồng, vật nuôi, chi phí di dời mồ mả:

a. Đối tượng được bồi thường:

Căn cứ Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Cây trồng, vật nuôi, mồ mả có trước thời gian kiểm kê, đo đạc bồi thường thì được bồi thường. Trường hợp cây trồng, vật nuôi, mồ mả có sau thời điểm kiểm kê, đo đạc thì không được bồi thường.

b. Đơn giá bồi thường:

Căn cứ theo Quyết định số 33/2021/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành Quy định về giá bồi thường cây trồng, vật nuôi là thủy sản khu Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ theo Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành Quy định về đơn giá nhà và vật kiến trúc xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Bồi thường chi phí di chuyển: 01 (hộ).

a. Đối tượng được bồi thường:

Hộ gia đình phải di chuyển tài sản khi Nhà nước thu hồi đất thì được bồi thường.

b. Mức bồi thường:

Được bồi thường theo Khoản 1 Điều 13 tại Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

5. Bồi thường chi phí di dời đồng hồ điện, đồng hồ nước: Bồi thường theo định mức giá thực tế do cơ quan chuyên ngành cung cấp tại thời điểm di chuyển.

- **Bồi thường chi phí di dời đồng hồ điện:** Áp dụng theo Công văn số 975/ĐLTN-KHKT ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Điện lực huyện Tam Nông về việc cung cấp giá di dời đồng hồ điện.

- **Bồi thường chi phí di dời đồng hồ nước:** Áp dụng theo Bảng chiết tính di dời đồng hồ nước ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Công ty Cổ phần cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.

II. MỨC HỖ TRỢ:

1. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất:

a. Đối tượng hỗ trợ:

Căn cứ Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

b. Mức hỗ trợ:

Căn cứ theo Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Tỉnh Đồng Tháp và Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp ban hành kèm theo Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 27/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

2. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm:

a. Đối tượng hỗ trợ:

Hộ gia đình và cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất.

b. Mức hỗ trợ:

Căn cứ Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

c. Đơn giá hỗ trợ:

Thực hiện theo Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp 05 năm (2020-2024).

3. Hỗ trợ tái định cư cho hộ gia đình, cá nhân và hỗ trợ khác:

a. Hỗ trợ tái định cư cho hộ gia đình, cá nhân:

- Đối tượng hỗ trợ:

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 18 của Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Tỉnh Đồng Tháp.

- Mức hỗ trợ:

Theo quy định Khoản 2 Điều 18 của Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Tỉnh Đồng Tháp).

b. Hỗ trợ khác (hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình chính sách, tiền thuê nhà,...):

Thực hiện theo quy định tại Điều 21 Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc ban

hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Tỉnh Đồng Tháp.

III. TỔNG GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ (BỔ SUNG LẦN 1):

1. Tổng giá trị bồi thường về đất: 509.750.200 đồng.

- Đất nông nghiệp khác (trong phạm vi 50m tiếp giáp đường tỉnh ĐT.844, KV2, VT1):

13,80 m² x 468.000 đồng/m² = 6.458.400 đồng.

- Đất trồng lúa KV2, VT2:

2.691,40 m² x 187.000 đồng/m² = 503.291.800 đồng.

2. Tổng giá trị bồi thường về tài sản: 590.511.696 đồng.

- Bồi thường nhà ở và vật kiến trúc khác: 552.546.172 đồng.

- Bồi thường về cây trồng: 30.555.000 đồng.

- Bồi thường chi phí di chuyển nhà ở: 6.000.000 đồng.

- Bồi thường chi phí di dời đồng hồ nước: 737.883 đồng.

- Bồi thường chi phí di dời đồng hồ điện: 672.641 đồng.

3. Tổng giá trị các khoản hỗ trợ: 330.831.000 đồng.

- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm (đất nông nghiệp khác, KV2, VT1):

13,80 m² x 45.000 đồng/m² x 300% (03 lần) = 1.863.000 đồng.

- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm (đất trồng lúa, KV2, VT2):

2.691,40 m² x 40.000 đồng/m² x 300% (03 lần) = 322.968.000 đồng.

- Hỗ trợ tiền thuê nhà ở nông thôn:

01 hộ x 6.000.000 đồng/hộ = 6.000.000 đồng.

*** Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ của dự án (bổ sung lần 1):**

(1) + (2) + (3) = 1.431.092.896 đồng.

Làm tròn: 1.431.093.000 đồng (Một tỷ, bốn trăm ba mươi một triệu, không trăm chín mươi ba nghìn đồng)

PHẦN III

CHÍNH SÁCH TÁI ĐỊNH CƯ

I. KHÁI QUÁT KHU TÁI ĐỊNH CƯ:

1. Địa điểm, vị trí khu tái định cư:

- **Địa điểm:** Tại xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- **Vị trí:** Tại thửa đất số 4274, tờ bản đồ 299 số 06 (đối chiếu hệ tọa độ VN2000 là thửa đất số 48, tờ bản đồ số 57), diện tích 78m², mục đích sử dụng:

đất ở tại nông thôn, đất tọa lạc tại xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

2. Kết cấu hạ tầng tại khu tái định cư:

Hệ thống kết cấu hạ tầng như điện, nước sạch được đầu nối vào Cụm dân cư xã Phú Cường.

II. ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ:

Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất nông nghiệp (có thiệt hại về nhà ở, phải di chuyển chỗ ở).

III. SỐ LƯỢNG NỀN BỐ TRÍ Ở KHU TÁI ĐỊNH CƯ:

Giao đất ở (01 nền tái định cư) có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu.

IV. VỊ TRÍ VÀ GIÁ NỀN TÁI ĐỊNH CƯ:

1. Vị trí nền: Tại thửa đất số 4274, tờ bản đồ 299 số 06 (đối chiếu hệ tọa độ VN2000 là thửa đất số 48, tờ bản đồ số 57), diện tích 78m², mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn, đất tọa lạc tại xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

2. Giá đất tính thu tiền sử dụng đất tại nền tái định cư: Giá đất tính tiền sử dụng đất được tính theo giá Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp phê duyệt tại thời điểm giao đất.

PHẦN IV

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ NGƯỜI BỊ THU HỒI

I. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI BỊ THU HỒI ĐẤT PHẢI DI CHUYỂN CHỖ Ở:

1. Quyền:

- a) Đăng ký đến ở nơi tái định cư bằng văn bản;
- b) Được ưu tiên đăng ký hộ khẩu cho bản thân, các thành viên khác trong gia đình về nơi ở mới và được ưu tiên chuyển trường cho các thành viên trong gia đình trong độ tuổi đi học;
- c) Được từ chối vào khu tái định cư nếu khu tái định cư không đảm bảo các điều kiện như đã thông báo và niêm yết công khai;
- d) Được cung cấp mẫu thiết kế nhà miễn phí;
- e) Được miễn, giảm lệ phí trước bạ theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ:

- a) Thực hiện di chuyển vào khu tái định cư theo đúng thời gian theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Xây dựng nhà, công trình theo đúng quy hoạch và thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật;

c) Nộp tiền mua nhà ở hoặc tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

II. KHIẾU NẠI VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI:

Người bị thu hồi đất nếu chưa đồng ý với Quyết định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, thì được khiếu nại theo quy định của pháp luật. Trách nhiệm giải quyết khiếu nại, thời hiệu khiếu nại và trình tự giải quyết khiếu nại thực hiện theo quy định của pháp luật.

Trong khi chờ giải quyết khiếu nại, người bị thu hồi đất vẫn phải chấp hành quyết định thu hồi đất, giao đất đúng kế hoạch và thời gian đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định.

Kính trình Hội đồng thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện xem xét, thẩm định trình Ủy ban nhân dân Huyện phê duyệt phương án./.

TỔ CHỨC LÀM NHIỆM VỤ BỒI THƯỜNG, GPMB

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Cường

Số: 1567/QĐ-UBND-NĐ

Tam Nông, ngày 27 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (bổ sung lần 1)
dự án Hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ đời sống
của người dân tại thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.
Hạng mục: Tuyến đê bao Khu II (Đê bao Đ.II-2' (bổ sung))**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật
sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

*Căn cứ các Nghị định ngày 15/5/2014 của Chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 47/2014/NĐ-CP ban
hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: Số
30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất,
chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; số 37/2014/TT-BTNMT ngày
30/6/2014 quy định về chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu
hồi đất; số 33/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 quy định chi tiết Nghị định số
01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị
định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của
các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;*

*Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Số
27/2014/QĐ-UBND ngày 27/11/2014 ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ
và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; số
13/2017/QĐ-UBND ngày 11/4/2017 ban hành Quy trình thực hiện công tác bồi
thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng
Tháp; số 36/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 về việc ban hành Quy định giá
các loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp 05 năm (2020-2024); số 13/2021/QĐ-
UBND ngày 23/7/2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban
hành kèm theo Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 ban hành
quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp 05 năm (2020-
2024); số 33/2021/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 về việc ban hành Quy định về
giá bồi thường cây trồng, vật nuôi là thủy sản khu Nhà nước thu hồi đất trên địa
bàn tỉnh Đồng Tháp; số 31/QĐ-UBND-NĐ ngày 15/02/2022 về việc phê duyệt*

kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Tam Nông; số 09/2022/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 về việc ban hành Quy định về đơn giá nhà và vật kiến trúc xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; số 1178/QĐ-UBND.HC ngày 28/10/2022 phê duyệt điều chỉnh dự án Hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ đời sống của người dân tại thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp; số 289/QĐ-UBND-NĐ ngày 21/11/2022 về việc phê duyệt đơn giá đất cụ thể làm cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ đời sống của người dân tại thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Hạng mục: Tuyến đê bao Khu II (Đê bao Đ.II-2' (bổ sung)), huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Công văn số 1167/UBND-KT ngày 27/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc uỷ quyền cho Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông thông báo và thu hồi đất;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 809/TTr-TNMT ngày 26/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (bổ sung lần 1) dự án Hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ đời sống của người dân tại thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Hạng mục: Tuyến đê bao Khu II (Đê bao Đ.II-2' (bổ sung)), với các nội dung sau:

1. Nguồn vốn bồi thường: Ngân sách Nhà nước.
2. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ: 1.431.093.000 đồng (Một tỷ, bốn trăm ba mươi một triệu, không trăm chín mươi ba nghìn đồng), trong đó:
 - a) Tổng giá trị bồi thường về đất: 509.750.200 đồng.
 - b) Tổng giá trị bồi thường về tài sản: 590.511.696 đồng.
 - c) Tổng giá trị các khoản hỗ trợ: 330.831.000 đồng.

(Có phương án bồi thường chi tiết kèm theo)

Điều 2. Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện (đơn vị lập Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư) có trách nhiệm phối hợp với chủ đầu tư hoàn thiện thủ tục theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Thủ trưởng các đơn vị: Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường, Kinh tế và Hạ tầng, Kho bạc Nhà nước, Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất

huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phú Cường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, PCT UBND huyện;
- LĐVP;
- Lưu: VT, NC/KTN_{P.Chao}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Châu Văn Bo
Châu Văn Bo

Số: 538 /QĐ-UBND-HC

Đồng Tháp, ngày 11 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất làm cơ sở tính tiền sử dụng đất
nền tái định cư trên địa bàn huyện Tam Nông**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Theo đề nghị tại Văn bản số 1187/STC-QLG&CS ngày 17 tháng 4 năm 2022 của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất làm cơ sở tính tiền sử dụng đất nền tái định cư trên địa bàn huyện Tam Nông, cụ thể như sau:

- Diện tích: 78 m² (thửa số 4274, tờ bản đồ số 6).
- Vị trí: xã Phú Cường, huyện Tam Nông.
- Mục đích sử dụng: đất ở nông thôn.
- Hệ số điều chỉnh giá đất Khu vực 3, vị trí 1: 5,34.

Điều 2. Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông có trách nhiệm tổ chức giao đất và thu tiền sử dụng đất theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục thuế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT/UBND Tỉnh;
- Lưu: VT, NC/KT-tuan.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Minh Tuấn

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh dự án Hệ thống đê bao nhằm ứng phó với
biến đổi khí hậu, bảo vệ đời sống của người dân tại thị trấn
Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 29/9/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ đời sống của người dân tại thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 2866/SKHĐT-ĐTTĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng công trình Hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ đời sống của người dân tại thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp; với những nội dung như sau:

1. Tên dự án: Hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ đời sống của người dân tại thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND Tỉnh.

3. Chủ đầu tư: UBND huyện Tam Nông.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:

4.1. Mục tiêu đầu tư: Nhằm đảm bảo ổn định sinh hoạt của 17.000 người dân trong thị trấn Tràm Chim và dân cư khu vực lân cận tránh khỏi các tác động ảnh hưởng tiêu cực của lũ lụt từ sông Mê Kông và nước biển dâng do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.

4.2. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:

a. Tuyến đê bao:

Stt	Hạng mục	Thông số kỹ thuật đê bao				Ghi chú
		Chiều dài tuyến (m)	Bề rộng mặt đê (m)	Cao trình đỉnh đê bao (m)	Hệ số mái đê	
I	Khu I					Các tuyến đê bao đắp đất đồng chất đảm nện chặt đảm bảo yêu cầu thiết kế
1	Đê bao Đ.I-3	1.629	14	+5,00	2	
2	Đê bao Đ.I-4	560	5	+5,00	2	
II	Khu II					
1	Đê bao Đ.II-2' (bổ sung)	1.225	14	+5,00	2	
2	Đê bao Đ.II-3	2.896	14	+5,00	2	

b. Kè bảo vệ bờ kết hợp đê bao:

Stt	Hạng mục	Thông số kỹ thuật kè kết hợp đê bao bảo vệ bờ					Ghi chú
		Chiều dài tuyến (m)	Bề rộng mặt đê (m)	Cao trình đỉnh (m)	Cao trình chân kè (m)	Hệ số mái kè	
I	Khu I						Mái kè lát cấu kiện bê tông nằm trong khung dầm BTCT từ chân kè +0,00 lên
1	Kè kết hợp đê bao bảo vệ bờ kênh Đường Gạo 1 (K.ĐG1)	772,2	5	+4,50	+0,00	2	
II	Khu II						

Stt	Hạng mục	Thông số kỹ thuật kè kết hợp đê bao bảo vệ bờ					Ghi chú
		Chiều dài tuyến (m)	Bề rộng mặt đê (m)	Cao trình đỉnh (m)	Cao trình chân kè (m)	Hệ số mái kè	
1	Kè kết hợp đê bao bảo vệ bờ kênh Đường Gạo (K.ĐG2)	872	5	+4,50	+0,00	2	tới đỉnh kè thiết kế

c. Trạm bơm gồm: Trạm bơm khu I và trạm bơm khu II:

Stt	Thông số	ĐVT	Khu I	Khu II
I	Trạm bơm		Khu I-TB1	Khu II-TB2
	- Diện tích tiêu	ha	168,3	305,5
	- Lưu lượng tiêu thiết kế	m ³ /s	2,03	5,02
1	- Các hạng mục gồm: Kênh dẫn vào bể hút, bể hút, buồng hút, nhà trạm + thiết bị (máy bơm, palăng xích, bình CO ₂); bể xả, kênh dẫn xả, cống xả trạm bơm			Thiết bị máy bơm 06 tổ máy, lưu lượng 2.400m ³ /h
2	Nhà quản lý	m ²	64,5	81
3	Cống xả tiêu trạm bơm			
	- Chiều dài cống	m	21,4	16,95
	- Khẩu độ cống nxBxH	m	1 cửa x (1,5x2)	2 cửa x (1,5 x 2)
	-Thiết bị vớt nâng	Bộ	01	02
II	Cống tiêu tự chảy khu đầu mỗi trạm bơm			
	- Chiều dài cống	m	22,75	17,35
	- Khẩu độ cống nxBxH	m	1 cửa x (2x3)	2 cửa x (1,5 x 3)
	-Thiết bị vớt nâng	Bộ	01	02
III	Hệ thống điện trạm bơm			
	Đường dây trung thế	m	300	1.500
	Máy biến áp	Máy	01 250KVA	01 400KVA
	Đường dây hạ thế từ trạm	HT	01	01

Stt	Thông số	ĐVT	Khu I	Khu II
	biến áp đến trạm bơm			
	Hệ thống điện và chống sét nhà trạm bơm	HT	01	01
IV	Cống tiêu tự chảy xả phèn		Cống xả phèn 1, tiêu tự chảy ra kênh Đường Gạo	Cống xả phèn 3, tiêu tự chảy ra kênh Phèn 3
	- Chiều dài cống	m	21,75	14
	- Khẩu độ cống nx B x H	m	1 cửa x (2x3)	2 cửa x (1,5 x 4,3)
	- Thiết bị vớt nâng	Bộ	01	02

d. Hệ thống cống tròn phi 1.000mm ngang các tuyến đê bao khu I và khu II (07 vị trí), tổng chiều dài khoảng 168m.

e. Về vị trí khai thác đất: cập nhật vị trí khai thác đất vật liệu tại Ô bao 39 (gồm 03 vị trí lấy đất với tổng diện tích 23,72ha), tọa lạc xã Phú Cường, huyện Tam Nông.

5. Tổ chức tư vấn lập dự án: Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây dựng.

6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:

6.1. Địa điểm xây dựng: Thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

6.2. Diện tích sử dụng đất: 22,11 ha.

7. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: Dự án nhóm B, công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cấp III và công trình Công nghiệp, cấp IV.

8. Số bước thiết kế: 02 bước.

9. Tổng mức vốn đầu tư: **251.160.525.000 đồng**

Trong đó: Chi phí xây dựng: 159.621.278.000 đồng

Chi phí thiết bị: 8.398.050.000 đồng

Chi phí QLDA: 2.818.142.000 đồng

Chi phí TVĐTXD: 11.975.498.000 đồng

Chi phí khác: 5.487.557.000 đồng

Chi phí GPMB: 60.000.000.000 đồng

Chi phí dự phòng: 2.860.000.000 đồng

10. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2018 - 2023.

11. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ (*từ nguồn vốn phòng chống, khắc phục hạn hán, xâm nhập mặn và ứng phó biến đổi khí hậu*), vốn ngân sách địa phương đối ứng và vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ giai đoạn 2021-2025. Trong đó:

a) Giai đoạn 1 (năm 2018-2020): 193.844 triệu đồng, gồm:

- Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ (*vốn phòng chống, khắc phục hạn hán, xâm nhập mặn và ứng phó biến đổi khí hậu*): 163.844 triệu đồng;
- Vốn ngân sách địa phương đối ứng: 30.000 triệu đồng.

b) Giai đoạn 2 (năm 2021-2023): 57.316,525 triệu đồng, gồm:

- Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ giai đoạn 2021-2025: 53.000 triệu đồng;
- Vốn ngân sách địa phương đối ứng: 4.316,525 triệu đồng.

12. Hình thức quản lý dự án: Ban Quản lý dự án cấp huyện thực hiện quản lý dự án theo quy định.

13. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên: Vị trí khai thác đất vật liệu đắp đê bao cho dự án tại Ô bao 39 tại xã Phú Cường, huyện Tam Nông.

14. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư: Dự án có tính chi phí đền bù và tái định cư theo quy định.

Điều 2. Chủ đầu tư là UBND huyện Tam Nông có trách nhiệm lập đầy đủ các thủ tục hồ sơ đầu tư xây dựng cơ bản theo đúng quy định hiện hành; làm cơ sở quyết toán khi hoàn thành đưa công trình vào sử dụng có hiệu quả.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1310/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2017 của UBND Tỉnh phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ đời sống của người dân tại thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đồng Tháp và Chủ tịch UBND huyện Tam Nông chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT/UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC/ĐTXD.nbht

CHỦ TỊCH



Phạm Thiện Nghĩa